

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 70/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2017

V/v tranh chấp

hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Một;
2. Ông Nguyễn Văn Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1975; HKTT: Đường T khu phố F, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Đường T, khu phố A, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường T, khu phố F,

Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh;

Địa chỉ: Đường T, khu phố P, phường T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Hồng Đ, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2 Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1980; cư trú tại: Đường T, khu phố E, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.3 Bà Tạ Thị S, sinh năm: 1949; cư trú tại: Đường T, khu phố F, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-01 -2017, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Vào năm 1999 chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn T quen biết, tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống đến ngày 09-01-2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND Phường C, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh; sau khi cưới vợ chồng về chung sống bên gia đình anh T tại địa chỉ đường T, khu phố F, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do chị làm ăn thất bại và anh T không chăm sóc vợ con, có lần anh T đánh và đuổi chị ra khỏi nhà nên vào tháng 12-2016 chị L bỏ nhà đi, ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Hiếu V, sinh ngày 22-02-2000 và Trần Gia H, sinh ngày 18-4-2005; hiện các cháu đang sống cùng với chị L, chị L yêu

cầu được tiếp tục nuôi con, hiện cháu V đã nghỉ học đi làm xí nghiệp ở Bình Dương tự nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của chị Nguyễn Thị Thu V số tiền 21.000.000 đồng; nợ bà Tạ Thị S số tiền 7.023.000 đồng; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh số tiền 45.000.000 đồng. Nay yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ 45.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh, không yêu cầu anh T trả nợ cho chị V và bà S.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh đồng ý thống nhất với phần trình bày của chị Nguyễn Thị Mỹ L, qua thời gian tìm hiểu nhau, anh và chị L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường C, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh vào ngày 09-01-2004; sau khi cưới vợ chồng về chung sống bên gia đình anh tại địa chỉ số đường T, khu phố F, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm chủ yếu là tiền bạc, anh có đánh chị L là do chị L thường xuyên đi ra ngoài vào ban đêm không có sự đồng ý của anh; đến cuối năm 2016 chị L bỏ nhà đi vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Hiếu V, sinh ngày 22-02-2000 và Trần Gia H, sinh ngày 18-4-2005; hiện đang sống với chị L, anh đồng ý giao con cho chị L nuôi, cháu V đã nghỉ học đi làm xí nghiệp ở Bình Dương tự nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Phường C số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-2016 10424 ngày 28-10-2016 có thể chấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 03869/P3 phần đất diện tích 118.5 m² thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại khu phố B, Phường C, thành phố Tây Ninh, do UBND thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp ngày 27-10-2008 cho anh đứng tên, anh đã tự trả hết cho Ngân hàng số tiền nợ trên vào tháng 4-2017 không yêu cầu chị L cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ này; còn đối với các khoản nợ của chị Nguyễn Thị Thu V số tiền 21.000.000 đồng; nợ bà Tạ Thị S số tiền 7.023.000 đồng và nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh số tiền 45.000.000 đồng anh không biết nên không đồng ý trả.

Tại đơn khởi kiện 08-3-2017 và bản trình bày ngày 14-4-2017 của Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh;

Ngày 02-12-2015 Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt cho hộ anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L vay số tiền 50.000.000 đồng từ chương trình vay hộ mới thoát nghèo, nhận tiền vay ngày 04-12-2015, thời hạn trả cuối cùng ngày 18-11-2020, lãi suất 0,6875%/tháng; ngày 18-5-2016 vợ chồng anh T, chị L đã trả được 5.000.000 đồng vốn gốc; tính đến ngày 14-4-2017 còn nợ số tiền 45.000.000 đồng vốn gốc và 287.719 đồng lãi. Nay yêu cầu anh T và chị L trả số tiền trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị S trình bày:

Vào khoảng tháng 6-2015 bà có cho chị Nguyễn Thị Mỹ L mượn số tiền 10.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, việc vay mượn không ghi giấy tờ; quá trình vay mượn chị L đã trả được số tiền 3.500.000 đồng, còn nợ lại 6.500.000 đồng và do bà làm tổ trưởng tổ vay vốn tiết kiệm nên tháng 3-2017 bà đã đóng tiền lãi cho Ngân hàng dùm cho chị L số tiền 519.000 đồng, tính đến nay chị L còn nợ bà số tiền 7.023.000 đồng; nay yêu cầu vợ chồng chị L anh T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Vào ngày 18-7-2016 (AL) chị có cho chị Nguyễn Thị Mỹ L mượn số tiền 15.000.000 đồng, đến ngày 27-10-2016 mượn thêm số tiền 6.000.000 đồng; tổng cộng là 21.000.000 đồng, việc vay mượn không thỏa thuận lãi; từ khi mượn đến nay chị L

không trả. Nay yêu cầu vợ chồng chị L anh T cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ trên.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L Và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn; con chung giao cho chị L nuôi anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng cho cháu H; tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Buộc anh T, chị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh số tiền 45.287.719 đồng và chị V số tiền 21.000.000 đồng; buộc chị L có trách nhiệm trả cho bà S số tiền 7.023.000 đồng; chị L và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh và bà Tạ Thị S vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Năm 1999 chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn T cưới nhau đến ngày 09-01-2004 đăng ký kết hôn tại UBND Phường C, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp

luật bảo vệ; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L và anh T trình bày thống nhất, sau khi cưới vợ chồng về chung sống bên gia đình anh T tại địa chỉ đường T, khu phố F, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do chị L làm ăn thất bại không tin tưởng nhau về tiền bạc vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau; có lần anh T đánh và đuổi chị L đi nên vào tháng 12-2016 chị L đã bỏ nhà đi, ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng; anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh T đồng ý; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Hiếu V, sinh ngày 22-02-2000 và Trần Gia H, sinh ngày 18-4-2005; hiện đang sống cùng với chị L, chị L và anh T thống nhất giao con cho chị L nuôi, anh T cấp dưỡng nuôi cháu Gia H mỗi tháng 1.500.000 đồng; riêng cháu V đã nghỉ học tự đi làm sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối chiếu Khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy phù hợp với nguyện vọng của các cháu; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L và T thống nhất vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Phường 3 số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-2016 10424 ngày 28-10-2016 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 03869/P3 phần đất diện tích 118.5 m² thuộc thửa đất số: 40, tờ bản đồ số: 04 tọa lạc tại khu phố B, Phường C, thành phố Tây Ninh do UBND thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp ngày 27-10-2008 cho anh T đứng tên, sau khi chị L nộp đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án ngày 21-3-2017 anh T đã tự trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Phường 3 để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất này của mẹ anh T cho. Nay anh T không yêu cầu chị L trả lại số tiền nợ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ngoài ra theo chị L khai vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội

Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh số tiền 45.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị Thu V số tiền 21.000.000 đồng; nợ bà Tạ Thị S số tiền 7.023.000 đồng yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả nợ anh T cho rằng anh không biết đối với số tiền nợ này không đồng ý trả.

[7] Căn cứ vào sổ vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh, theo danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, từ chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo năm 2015 của địa phương; ngày 02-12-2015 Chi nhánh - Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt cho hộ anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L vay số tiền 50.000.000 đồng, nhận tiền vay ngày 04-12-2015, thời hạn trả cuối cùng ngày 18-11-2020 với lãi suất 0,6875%/tháng; ngày 18-5-2016 chị L đã trả được 5.000.000 đồng vốn gốc; tính đến ngày 14-4-2017 còn nợ số tiền 45.000.000 đồng vốn gốc và 287.719 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng yêu cầu anh T và chị L trả số tiền trên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L trình bày việc chị vay số tiền nợ này là sử dụng chung vào việc chi phí trong gia đình lo cho con ăn học và nuôi anh T bị bệnh trong thời gian chị còn chung sống với anh T; cũng như anh T trình bày vào tháng 12-2016 chị L mới bỏ nhà đi, ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng; như vậy thể hiện cho thấy đối với số tiền nợ này chị L vay trong thời gian còn sống chung với anh T đã được địa phương đưa vào danh sách hộ gia đình mới thoát nghèo và được Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh phê duyệt, số tiền vay này chị L đã sử dụng chi tiêu trong gia đình. Căn cứ vào Điều 27 và Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy cần buộc anh T cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây số tiền 45.000.000 đồng vốn gốc, 287.719 đồng tiền lãi tính đến ngày 14-4-2017 và lãi phát sinh theo hợp đồng; cụ thể anh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh số tiền 22.500.000 đồng vốn gốc, 143.859 đồng tiền lãi tính đến ngày 14-4-2017 và lãi phát sinh theo hợp đồng; chị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh số tiền 22.500.000 đồng vốn gốc, 143.859 đồng tiền lãi tính đến ngày

14-4-2017 và lãi phát sinh theo hợp đồng.

[8] Xét đối với số tiền 21.000.000 đồng nợ của chị Nguyễn Thị Thu V. Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 18-7-2016 chị L mượn số tiền 15.000.000 đồng và ngày 27-10-2016 L mượn số tiền 6.000.000 đồng, giấy mượn tiền do chị L ký tên; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L đồng ý trả cho chị V số tiền 21.000.000 đồng không yêu cầu anh T trả; nhưng chị V yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả cho chị V số tiền nợ này. Xét thấy việc chị V cho chị L mượn tiền anh T xác định là anh không biết, cũng như theo giấy mượn tiền do chị V cung cấp thể hiện chỉ có chữ ký tên của chị L phù hợp với lời khai của chị L và tại phiên tòa chị L cũng đã thừa nhận số tiền nợ này là chị mượn của chị V để làm ăn mua bán giấu không cho anh T biết nhưng do làm ăn bị thất bại nay đồng ý trả nợ cho chị V không yêu cầu anh T trả. Do đó buộc chị L có trách nhiệm trả cho chị V số tiền 21.000.000 đồng vốn, ghi nhận chị V không yêu cầu tính lãi.

[9] Xét đối với số tiền 7.023.000 đồng nợ của bà Tạ Thị S, theo bà S khai vào khoảng tháng 6-2015 bà có cho chị L mượn số tiền 10.000.000 đồng, việc vay mượn không có giấy tờ; quá trình vay mượn chị L đã trả được số tiền 3.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 6.500.000 đồng, sau đó do bà làm tổ trưởng tổ vay vốn tiết kiệm nên vào tháng 3-2017 bà đã đóng tiền lãi Ngân hàng dùm cho chị L số tiền 519.000 đồng; tổng cộng chị L nợ bà số tiền 7.023.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng chị L và anh T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền trên. Xét thấy việc vay mượn của bà S với chị L không có giấy tờ, quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng việc bà S cho chị L mượn tiền anh không biết không đồng ý trả; chị L thừa nhận số tiền nợ này do chị mượn của bà S và đồng ý trả, không yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả nên cần buộc chị L có trách nhiệm trả cho bà S số tiền 7.023.000 đồng vốn, ghi nhận bà S không yêu cầu tính lãi.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L Và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn; con chung giao cho chị L nuôi anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng cho cháu H; tài sản chung: Không giải quyết; nợ chung:

Buộc anh T, chị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tỉnh Tây Ninh số tiền 45.287.719 đồng và chị V số tiền 21.000.000 đồng; buộc chị L có trách nhiệm trả cho bà S số tiền 7.023.000 đồng; chị L và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản và đối với số tiền nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh, của bà S là phù hợp nên chấp nhận; còn đối với số tiền nợ của chị V là không phù hợp bởi do việc vay mượn số tiền 21.000.000 đồng này giữa chị L với chị V, anh T không biết, tại phiên tòa anh T trình bày là anh không biết, không có ký tên vào giấy mượn tiền nên anh không đồng ý trả nếu giấy nợ có chữ ký tên của anh thì anh đồng ý trả phù hợp với lời khai của chị L và chị L cũng đã xác định thừa nhận là chị nợ chị V số tiền nợ này nên chị đồng ý có trách nhiệm trả cho chị V không yêu cầu anh T cùng trả nên không chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm HNGĐ và 2.533.342 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số: 0003614 ngày 09-01-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, chị L còn phải nộp 2.633.342 đồng.

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 1.132.192 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh, bà S và chị V không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27; Điều 30; Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 256; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L với anh Trần Văn T.

2. Con chung: Có 02 cháu tên Trần Hiếu V, sinh ngày 22-02-2000 và Trần Gia H, sinh ngày 18-4-2005; giao cho chị L nuôi, anh T cấp dưỡng nuôi cháu Gia H mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H thành niên tự lao động sinh sống được; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Nợ chung:

- Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh số tiền 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng vốn gốc, 143.859 (một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi chín) đồng tiền lãi tính đến ngày 14-4-2017 và lãi phát sinh theo hợp đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Thu V số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng và trả cho bà Tạ Thị S số tiền 7.023.000 (bảy triệu không trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

- Buộc anh Trần Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh số tiền 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng vốn gốc, 143.859 (một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi chín) đồng tiền lãi tính đến ngày 14-4-2017 và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh, chị Nguyễn Thị Thu V và bà Tạ Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn T chưa trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí:

- Chị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm HNGĐ và 2.533.342 (hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số: 0003614 ngày 09-01-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, chị L còn phải nộp 2.633.342 (hai triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng.

- Anh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng và 1.132.192 (một triệu một trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh tiền tạm ứng đã nộp 1.125.000 (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0003911 ngày 30-3-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thu V tiền tạm ứng đã nộp 525.000 đồng theo biên lai thu số: 0003775 ngày 28-2-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho bà Tạ Thị S tiền tạm ứng đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0004114 ngày 16-5-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND xã/phường
nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Phan Tuyển